

Các sắc lệnh được châu phê mở đường cho một vị Thánh mới và 56 vị Chân phước

Thanh Quảng sdb - (Tin Vatican)

Chân phước Zdenka Schelingová, người từng sống dưới chế độ cộng sản tại Tiệp Khắc, sẽ được phong Thánh; trong khi đó, nữ tu người Ý Rosa Staltari sẽ được phong Chân phước. Năm mươi lăm vị tử đạo, những người đã hy sinh trong cuộc Nội chiến Tây Ban Nha, cũng sẽ được phong Chân phước. Ngoài ra, các nhân đức anh hùng của một số đấng Đáng kính đã hoàn tất là hai linh mục và một thiếu nữ đã được nâng lên là các Đấng Đáng kính.

Trong buổi tiếp kiến dành cho Đức Hồng y Marcello Semeraro, Tổng trưởng Bộ Phong Thánh, vào ngày 21 tháng 11, Đức Thánh Cha đã châu phê các sắc lệnh công nhận một phép lạ nhờ sự chuyển cầu của Chân phước Zdenka Schelingová – một nữ tu thuộc Dòng Nữ Tử Bác Ái Thánh Giá – người sẽ được phong Thánh; đồng thời công nhận một phép lạ nhờ sự chuyển cầu của Đấng Đáng kính Rosa Staltari – một nữ tu thuộc Dòng Nữ Tử Đức Maria Rất Thánh Đồng Công Cứu Chuộc – người sẽ được phong Chân phước.

Đức Thánh Cha cũng châu phê các sắc lệnh công nhận sự tử đạo của linh mục José Gómez Llor cùng 54 bạn, những người đã bị sát hại vì đức tin trong cuộc Nội chiến Tây Ban Nha vào thế kỷ trước. Các vị này sẽ sớm được phong Chân phước.

Bên cạnh đó, các sắc lệnh công nhận nhân đức anh hùng của một số vị:

linh mục Angelo Lolli, người sáng lập "Công cuộc Thánh Têrêsa Hài Đồng Giêsu" và "Gia đình nhỏ Thánh Têrêsa Hài Đồng Giêsu";

linh mục Abundio García Román, người sáng lập "Hermandades del Trabajo" (Các Hội đoàn Lao động) cùng các Hiệp hội đạo đức "Các nhà truyền giáo Lao động";

và thiếu nữ mười bốn tuổi Giulia Gabrieli.

Cả ba vị này hiện đã được công nhận là Đấng Đáng kính.

Cecilia Schelingová, Nữ tu Sidonia

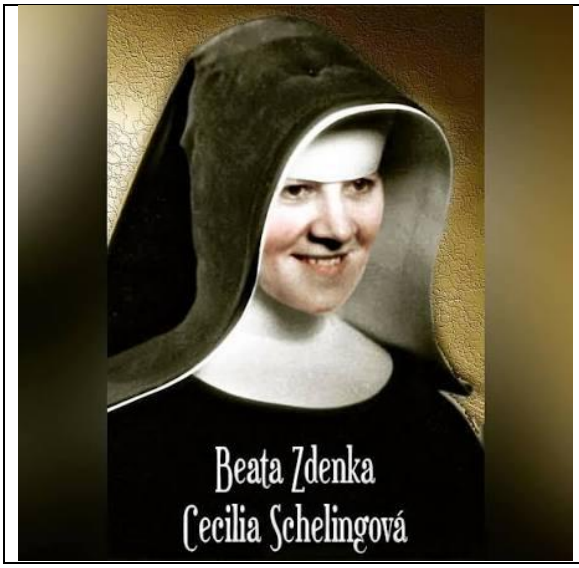

Cecilia Schelingová, được biết đến với tên gọi Nữ tu Zdenka hay Nữ tu Sidonia, đã dành trọn cuộc đời mình để chăm sóc những người bệnh. Là một nữ tu thuộc Dòng Nữ Tử Bác Ái Thánh Giá (Congregation of the Sisters of Charity of the Holy Cross), sơ được công nhận là vị tử đạo vì đã làm chứng cho đức tin trong thời kỳ chế độ cộng sản tại quốc gia Tiệp Khắc. Bà được Giáo hoàng Gioan Phaolô II phong chân phước vào ngày 14 tháng 9 năm 2003.

Sinh năm 1916 tại Krivá, thuộc vùng Orava của Slovakia, sơ đã dành trọn cuộc đời để phục vụ những người dễ bị tổn thương nhất tại các bệnh viện. Theo Bộ Phong Thánh, sơ nổi bật nhờ năng lực chuyên môn xuất sắc cùng sự chăm sóc đầy yêu thương dành cho các bệnh nhân.

Khi cuộc bách hại khốc liệt nhắm vào Giáo hội Công giáo bắt đầu vào năm 1948, các tu viện bị đóng cửa, các dòng tu bị giải thể, còn các linh mục, tu sĩ và giáo dân thì bị bắt. Nữ tu Sidonia đã không ngần ngại giúp đỡ một linh mục – người đang phải nằm viện tại Bratislava sau khi bị bắt giữ và tra tấn.

Lo sợ rằng vị linh mục này sẽ bị đày sang Siberia ngay khi bình phục, sơ đã cùng một vài cộng sự tổ chức cho cha trốn thoát. Sau đó, sơ tiếp tục tìm cách giúp đỡ các linh mục và chủng sinh khác, nhưng rồi sơ cùng một số nữ tu khác đã bị bắt. Với cáo buộc phản quốc, sơ bị kết án mười hai năm tù và tước quyền công dân trong mười năm. Trong thời gian thụ án từ năm 1952 đến 1954, sơ phải chịu đựng những cuộc thẩm vấn tàn bạo, bị ngược đãi và tra tấn.

Sau khi được chẩn đoán mắc khối u, sơ đã trải qua một ca phẫu thuật tại Praha, rồi sau đó bị đưa đến nhà tù Pardubice – một trong những nơi giam giữ khắc nghiệt nhất của

Tiệp. Khi sức khỏe suy kiệt và căn bệnh bước vào giai đoạn cuối, sơ được trả tự do nhờ một ân xá. Sơ qua đời vào ngày 31 tháng 7 năm 1955 tại Trnava, hưởng dương 38 tuổi.

Sơ sẽ được tuyên phong hiển thánh vì một phép lạ chữa lành xảy ra vào năm 2008 được cho là nhờ sự chuyển cầu của sơ. Người được chữa lành là một người đàn ông theo đạo Tin Lành tại Mỹ, từng được chẩn đoán mắc bệnh ung thư biểu mô tuyến ở ổ bụng, kèm theo các tổn thương được cho là bị di căn. Khi tình trạng trở nên tồi tệ hơn và được xác định là giai đoạn cuối, các phương pháp điều trị y tế dành cho ông bị dừng lại. Chính vào lúc đó, một người bạn của gia đình đã cầu xin sự chuyển cầu của Chân phước Zdenka. Một cách không giải thích được, người đàn ông ấy tỉnh dậy và bắt đầu ăn uống trở lại. Tình trạng của ông dần cải thiện cho đến khi hồi phục hoàn toàn.

Rosa Staltari

<table>
<tr>
<td>“Ánh sáng đức tin: hành trình bình an hướng về Chúa Giêsu.” Đây là những dòng cuối cùng được Rosa Staltari – người được mọi người trìu mến gọi là Rosella – viết trong một cuốn lịch nhỏ. Chẳng bao lâu nữa, sơ sẽ được phong chân phước. Sinh ngày 3 tháng 5 năm 1951 tại Antonimina, Calabria, trong một gia đình rất nghèo khó, bà đã sống trong thế kỷ XX. Ơn gọi tu trì của sơ dần dần được hình thành.
Dưới sự hướng dẫn của linh mục linh hướng Vittorio Dante Forno, năm 18 tuổi, sơ gia nhập hội dòng mà vị linh mục này cùng với Nữ tu Maria Salemi sáng lập: Dòng các Nữ tỳ của Đức Maria Rất Thánh, Đấng Đồng Công Cứu Chuộc (Congregation of the Daughters of Mary Most Holy Co-Redemptrix). Sơ đón nhận tình trạng sức khỏe mong manh của sơ với niềm tin và lòng kiên nhẫn, bất chấp những cơn co giật và ngất xỉu thường xuyên mà không rõ nguyên nhân.</td>
<td>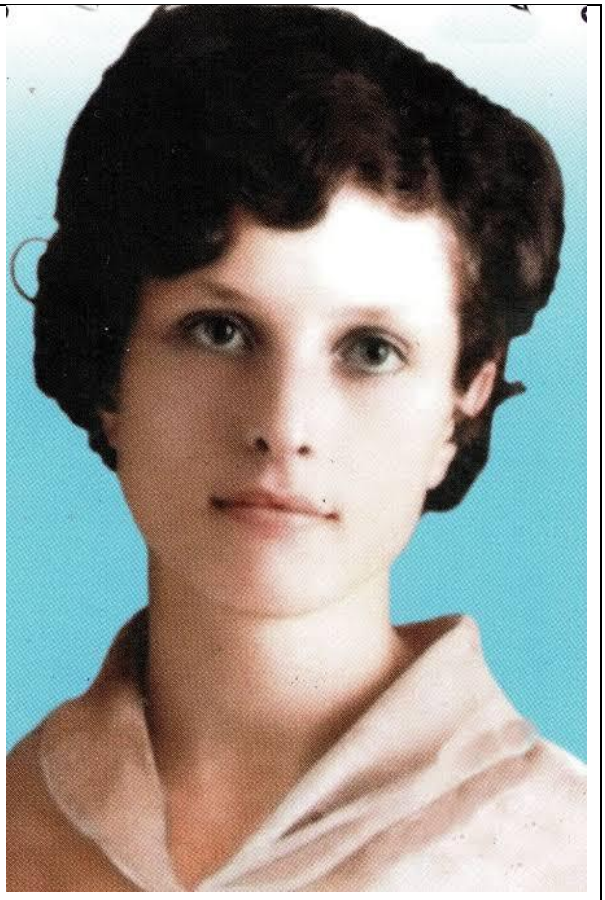</td>
</tr>
</table>

Sơ sẽ được tuyên phong hiển thánh vì một phép lạ chữa lành vào năm 2008 được cho là nhờ sự chuyển cầu của sơ. Người được chữa lành là một người đàn ông theo đạo Tin Lành tại Mỹ, từng được chẩn đoán mắc bệnh ung thư biểu mô tuyến ở bụng, kèm theo các tổn thương được cho là đã bị di căn. Khi tình trạng trở nên tồi tệ hơn và được xác định là giai đoạn cuối, các phương pháp điều trị y tế đã bó tay. Chính vào lúc đó, một người bạn của gia đình đã cầu xin sự chuyển cầu của Chân phước Zdenka. Và một cách

khó giải thích, người đàn ông này tỉnh dậy và bắt đầu ăn uống trở lại. Tình trạng của ông dần cải thiện cho đến khi hồi phục hoàn toàn.

Các vị tử đạo tại Tây Ban Nha



Trong thời kỳ bách hại tôn giáo tại Tây Ban Nha vào thập niên 1930, các ngài đã can đảm làm chứng cho đức tin và hy sinh mạng sống vì đức tin. Giáo hội hiện công nhận các ngài là những vị tử đạo, và các ngài sẽ được phong chân phước. Đó là linh mục José Gómez Llor cùng 54 bạn thuộc Giáo phận Cartagena.
Khi nền Đệ nhị Cộng hòa Tây Ban Nha được thiết lập, sự tách biệt giữa Giáo hội và Nhà nước được tuyên bố; ngân sách công dành cho hàng giáo sĩ bị bãi bỏ, và việc giảng dạy tôn giáo trong các trường học bị cấm đoán. Các dòng tu không tham gia vào các hoạt động xã hội hoặc giáo dục đều bị trục xuất, nhiều tài sản của Giáo hội bị tịch thu, và các vụ bạo lực chống lại hàng giáo sĩ đã xảy ra. Các tu viện, nhà thờ và trường học Công giáo bị phóng hỏa, trong khi nhiều tu sĩ nam nữ bị hành hung hoặc buộc phải chạy trốn.

Năm 1936, khi cuộc Nội chiến bùng nổ, các nhà thờ và tu viện bị phá hủy hoặc xúc phạm. Mọi hình thức thờ phượng công khai đều bị cấm; các linh mục, tu sĩ nam nữ và giáo dân bị sát hại chỉ vì đức tin hoặc vì họ là thành viên của Giáo hội. Linh mục José Gómez Llor – vị linh mục từng đảm nhiệm vai trò phụ trách nghi thức phụng vụ tại Nhà thờ Chính tòa Murcia và là tuyên úy tại một số tu viện – cũng nằm trong số đó.

Bất chấp cuộc Nội chiến và sự bách hại nhắm vào Giáo hội, ngài vẫn tiếp tục cử hành Thánh lễ và mặc áo linh mục. Vào đêm 11 rạng sáng ngày 12 tháng 8, ngài bị các binh lính theo chủ nghĩa Marxist bắt giữ và sát hại khi đang lần hạt Mân Côi. Giống như ngài, nhiều linh mục, tu sĩ, chủng sinh và giáo dân khác tại Giáo phận Cartagena đã bị sát hại vì từ chối từ bỏ đức tin. Noi gương Chúa Kitô, nhiều vị trong số đó đã tha thứ cho những kẻ hành quyết mình trước khi trút hơi thở cuối cùng.

Abundio García Román

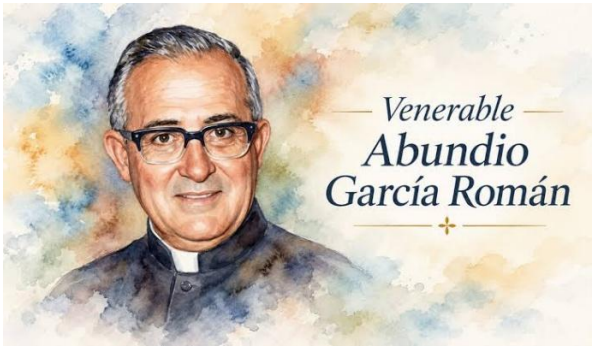

Sinh năm 1906, Abundio García Román là một linh mục thuộc Giáo phận Madrid. Hiện đã được tuyên phong là Đấng Đáng kính, ngài nổi bật nhờ lòng nhiệt thành mục vụ và tình yêu sâu sắc dành cho thế giới lao động. Ngài đã khởi xướng một sáng kiến tông đồ và xã hội quan trọng dành cho người lao động; thông qua đó, các giáo dân dần dần đảm nhận những trách nhiệm và cam kết cụ thể.

Sự hiểu biết của ngài về thế giới lao động ngày càng sâu sắc hơn khi Bá tước Rodríguez de San Pedro – chủ tịch tổ chức "Hành động Công giáo" (Catholic Action) và là người bảo trợ cho công việc mục vụ của ngài – giao cho ngài quản lý một tổ chức từ thiện điều hành một ngôi trường ở vùng ngoại ô Madrid. Tại đây, linh mục Abundio đã có dịp tiếp xúc với những người lao động cùng gia đình họ, thấu hiểu những nỗi khổ đau và khát vọng của họ. Ngài đau lòng nhận ra rằng họ đã khước từ Chúa Kitô.

Với tấm lòng mục tử, ngài vừa quan tâm đến những nhu cầu của người lao động và gia đình họ – vốn nảy sinh từ sự bất công và bất bình đẳng – vừa mang trong mình tình yêu của Chúa Kitô dành cho người nghèo. Ngài làm việc không mệt mỏi để ngôi trường có thể đón nhận ngày càng nhiều trẻ em hơn. Tuy nhiên, trong thời kỳ Nội chiến, ngài bị tố cáo và bắt giữ. Dù được tuyên trắng án vào tháng 3 năm 1937, ngài vẫn tiếp tục bị ngược đãi vì chức linh mục của mình và chịu án một năm lao động khổ sai.

Sau nhiều gian truân và khi cuộc Nội chiến kết thúc, ngài đảm nhận một số vai trò trong lĩnh vực lao động. Ngài đã tổ chức chiến dịch "La Voz de Cristo en las Empresas" ("Tiếng nói của Chúa Kitô trong các Doanh nghiệp"), huy động hàng trăm linh mục, tu sĩ và giáo dân tham gia hoạt động tại các nơi làm việc trên khắp thành phố Madrid.

Vào tháng 9 năm 1946, ngài thành lập "Hermandades del Trabajo" (Các Hội Huynh đệ Lao động) – một hiệp hội được thiết lập nhằm thúc đẩy sự phát triển toàn diện của người lao động về phương diện nhân bản, chuyên môn và Kitô giáo, đồng thời khuyến khích họ trở thành những tông đồ giữa những người đồng nghiệp. Phong trào này sau đó đã lan rộng ra nhiều giáo phận tại Tây Ban Nha.

Linh mục Abundio đã khởi xướng nhiều sáng kiến từ thiện và xã hội, bao gồm chương trình hỗ trợ thực phẩm cho người thất nghiệp, các bếp ăn cộng đồng, các khu nghỉ dưỡng mùa hè, tổ chức hỗ trợ nhà ở, các dịch vụ tín dụng và các trung tâm đào tạo nghề.

Ngài qua đời tại Madrid vào ngày 30 tháng 11 năm 1989, hưởng thọ 82 tuổi, sau 59 năm phục vụ trong thiên chức linh mục. Ngài đã hiến dâng trọn cuộc đời, lời cầu nguyện, thời

gian và công sức của mình cho tha nhân, luôn nghĩ đến những nhu cầu của họ và dành sự quan tâm đặc biệt cho người nghèo.

Angelo Maria Lolli

Angelo Maria Lolli, một linh mục đến từ Ravenna, sống trong giai đoạn sau khi nước Ý thống nhất – thời kỳ mà tình trạng bị gạt ra bên lề xã hội, nạn mù chữ và tỷ lệ tử vong ở trẻ sơ sinh đã gây ra bất ổn xã hội, khiến nhiều người rời xa đức tin Kitô giáo. Cha sinh năm 1880.	

Là một người tích cực trong phong trào Công giáo, năm 1914, cha đảm nhận vai trò điều hành tờ báo giáo phận *Il Romagnolo*. Tuy nhiên, cha đã dành trọn cuộc đời mình cho người nghèo và bệnh tật. Để giúp đỡ họ, cha thành lập tổ chức "Công cuộc Đạo đức Hỗ trợ Người nghèo và Người bệnh tại gia". Sáng kiến này nhanh chóng phát triển, bao gồm một xưởng làm việc cho phụ nữ trẻ, các trại hè cho trẻ em, các phòng khám ngoại trú cùng nhiều hoạt động khác. Linh mục Angelo cũng thành lập một nhóm "Y tá Samaritanô" chuyên chăm sóc người nghèo tại gia và cung cấp các hình thức hỗ trợ khác nhau.

Trong Thế chiến thứ nhất, cha phục vụ với tư cách là tuyên úy quân đội tại hai bệnh viện, đồng thời tạo công ăn việc làm cho một trăm nữ công nhân. Với tinh thần bác ái không mệt mỏi, cha đã cung cấp "mái nhà nương náu" cho những người nghèo bị bỏ rơi, không còn nơi cư trú. Vì vậy, cha đã mở "Viện dưỡng lão dành cho người bệnh mãn tính bị bỏ rơi".

Chính tại đây, một gia đình tu trì mới đã ra đời. Linh mục Angelo đã đặt gia đình tu trì này dưới sự bảo trợ của Thánh Têrêsa Hài Đồng Giêsu – vị thánh mà cha chọn làm đấng bảo trợ cho toàn bộ công cuộc của mình.

Theo thời gian, sáng kiến này phát triển thành một mạng lưới dựa trên sự tôn trọng lẫn nhau và tình liên đới, góp phần thay đổi cách nhìn của công chúng về Giáo hội tại một khu vực vốn tồn tại nhiều tư tưởng bài giáo sĩ. Do các vấn đề về sức khỏe, linh mục Angelo phải ngồi xe lăn; tình trạng của cha ngày càng trở nên tồi tệ hơn. Cha qua đời vào ngày 17 tháng 4 năm 1958.

Giulia Gabrieli

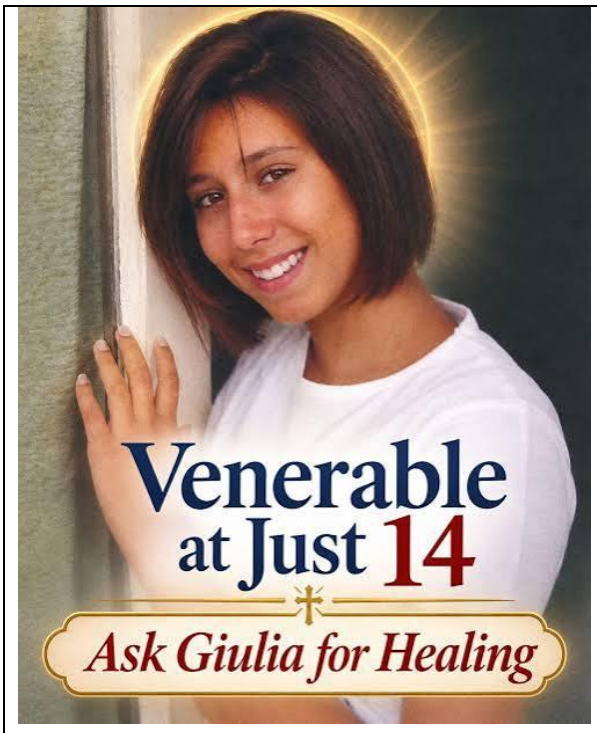

"Điều đầu tiên cần được chữa lành nằm ngay bên trong chúng ta: đó chính là trái tim." Đây là lời của Giulia Gabrieli, cô bé đã qua đời ở tuổi 14 vì căn bệnh ung thư. Cô đã biến hai năm bệnh tật của mình thành một bài ca về sự sống và niềm tin, bắt đầu một hành trình tâm linh đưa cô đến cuộc đối thoại sâu sắc với chính cái chết của mình: "Giờ đây, con biết rằng câu chuyện của con chỉ có thể kết thúc theo hai cách: hoặc là nhờ một phép lạ mà con được hồi phục hoàn toàn – điều mà con vẫn cầu xin Chúa, vì con còn rất nhiều dự định muốn thực hiện, và con mong chính mình sẽ là người hoàn thành chúng; hoặc là con được gặp Chúa – đó cũng là một điều tuyệt vời. Cả hai kết thúc đều đẹp cả. Điều quan trọng nhất, như Chân phước Chiara Luce từng nói, chính là để ý muốn của Chúa được thực hiện."

Cô Giulia, sinh ngày 3 tháng 3 năm 1997 tại vùng Bergamo, cảm thấy một sự gắn kết đặc biệt với Chân phước Chiara Luce Badano. Cô bắt đầu ngưỡng mộ và cảm thấy gần gũi với Chiara Luce ngay khi biết về cuộc đời và chứng tá của vị chân phước này vào mùa hè năm 2010, trong chuyến hành hương cùng gia đình đến Loreto. Mối liên kết giữa họ bắt đầu từ một cuộc gặp gỡ tình cờ tại thánh địa. Là một cô bé hoạt bát, cởi mở, hòa đồng, kiên định và luôn quan tâm đến người khác, Giulia thường tham gia các hoạt động tại giáo xứ và phục vụ trong vai trò giúp lễ.

Năm 12 tuổi, cô được chẩn đoán mắc bệnh ung thư cơ vân dạng phế nang (alveolar rhabdomyosarcoma) – một dạng ung thư hiếm gặp và tiến triển rất nhanh. Cô đã đối diện với căn bệnh bằng lòng can đảm phi thường. Trong thời gian điều trị xạ trị tại Padua, khi đang cầu nguyện trước mộ Thánh Antôn, một cử chỉ ân cần từ một người lạ – điều mà cô cảm nhận được qua lăng kính đức tin – đã tiếp thêm cho cô sức mạnh to lớn để vượt qua nghịch cảnh. Ngay cả trong giai đoạn bệnh trở nặng, cô vẫn nỗ lực hoàn thành kỳ thi tốt nghiệp cấp hai nhờ chương trình "Trường học trong bộ đồ ngủ" (School in Pyjamas) – một sáng kiến dành riêng cho các bệnh nhân trẻ đang nằm viện.

Cô qua đời tại Bergamo vào ngày 19 tháng 8 năm 2011, khi được nhiều người biết đến với danh tiếng về sự thánh thiện. Ngày nay, Giáo hội công nhận cô là Đấng Đáng kính, ghi nhận những nhân đức anh hùng mà cô đã thể hiện trong suốt hai năm chống chọi với bệnh tật. Cho đến tận giây phút cuối đời, cô vẫn nỗ lực tận dụng khoảng thời gian ít ỏi

còn lại, soi sáng hành trình của chính mình cũng như cuộc đời của những người xung quanh. Cô đã để lại một tấm gương cho các bạn trẻ cùng trang lứa và một bài học sâu sắc, bền lâu cho người lớn.